

26/6
CHÍNH PHỦ

28
08
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 219/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14, Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực khí tượng thủy văn.

2. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn gồm:

a) Vi phạm quy định về giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

b) Vi phạm quy định về hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

c) Vi phạm quy định về truyền, phát bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

d) Vi phạm quy định về quan trắc khí tượng thủy văn;

đ) Vi phạm quy định về thành lập, di chuyển, giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng của tổ chức, cá nhân;

e) Vi phạm quy định về cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn;

g) Vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn;

h) Vi phạm quy định về khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn;

i) Vi phạm quy định về trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

k) Vi phạm quy định về tác động vào thời tiết;

l) Vi phạm quy định về sử dụng, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí tượng thủy văn;

m) Các hành vi vi phạm khác về khí tượng thủy văn quy định tại Nghị định này.

3. Hành vi vi phạm hành chính có liên quan đến lĩnh vực khí tượng thủy văn mà không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước khác có liên quan để xử phạt.

4. Hành vi vi phạm quy định về sử dụng, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí tượng thủy văn thì xử phạt theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Trường hợp hành vi vi phạm liên quan tới hoạt động sử dụng, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí tượng thủy văn mà pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa chưa quy định thì áp dụng theo quy định tại Nghị định này để xử phạt.

5. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn đối với cơ quan báo chí được thực hiện theo quy định của pháp luật về báo chí và quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản.

6. Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm có liên quan tới hoạt động khí tượng trong lĩnh vực hàng không dân dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng và quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Trường hợp hành vi vi phạm liên quan tới hoạt động khí tượng trong lĩnh vực hàng không dân dụng mà pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng chưa quy định thì áp dụng theo quy định tại Nghị định này để xử phạt.

7. Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi neo đậu, dừng, đỗ không đúng nơi quy định của tàu, thuyền hoặc các phương tiện khác vào công trình khí tượng thủy văn thực hiện theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2. Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn quy định tại khoản 1 Điều này gồm:

a) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã gồm: Doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện), hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

c) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao;

d) Tổ chức nước ngoài tham gia hoạt động khí tượng thủy văn trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

đ) Các tổ chức khác hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính; tổ chức, cá nhân khác có liên quan được quy định tại Nghị định này.

4. Hộ kinh doanh, hộ gia đình thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt vi phạm như đối với cá nhân.

5. Cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu thực hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực khí tượng thủy văn khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ và hành vi vi phạm đó thuộc công vụ, nhiệm vụ thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn mà bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan. Cơ quan nhà nước thực hiện hành vi vi phạm thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực khí tượng thủy văn thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn mà bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, các hành vi vi phạm đã kết thúc, các hành vi vi phạm đang thực hiện

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn là 01 năm.

2. Việc xác định hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Hình thức, mức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Hình thức xử phạt chính, mức xử phạt:

Mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn thì tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu hình thức xử phạt chính là phạt tiền. Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn là 50.000.000 đồng đối với cá nhân và 100.000.000 đồng đối với tổ chức.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn từ 01 tháng đến 12 tháng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm.

3. Ngoài hình thức xử phạt chính và hình thức xử phạt bổ sung, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, e và i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc hủy bỏ kết quả, sản phẩm, số liệu, bản tin, ấn phẩm có được do thực hiện hành vi vi phạm;

- b) Buộc bổ sung hoặc lắp đặt trạm quan trắc, phương tiện đo khí tượng thủy văn;
- c) Buộc tổ chức thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn;
- d) Buộc thông báo về việc thành lập, di chuyển, giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;
- đ) Buộc báo cáo hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn;
- e) Buộc nộp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung.

4. Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm được quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 6; khoản 4 Điều 11; khoản 3 và khoản 4 Điều 13; khoản 3 Điều 14; khoản 3 và khoản 4 Điều 15 Nghị định này được xác định như sau:

a) Số lợi bất hợp pháp có được đối với trường hợp vi phạm hành chính quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 6 Nghị định này bằng (=) toàn bộ số tiền mà tổ chức, cá nhân thu được khi thực hiện hành vi vi phạm;

b) Số lợi bất hợp pháp có được đối với trường hợp vi phạm hành chính quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định này bằng (=) toàn bộ số tiền thu được từ việc sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn chiếm đoạt mà có để thực hiện các hoạt động mua bán, trao đổi;

c) Số lợi bất hợp pháp có được đối với trường hợp vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này bằng (=) toàn bộ số tiền thu được từ việc sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn được cung cấp miễn phí để thực hiện các hoạt động mua bán, trao đổi vì mục đích lợi nhuận;

d) Số lợi bất hợp pháp có được đối với trường hợp vi phạm hành chính quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định này bằng (=) toàn bộ số tiền thu được trong việc sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn không có nguồn gốc rõ ràng hoặc sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn không được cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp xác nhận để thực hiện các công việc có sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn dùng để tính toán. Tổ chức, cá nhân vi phạm tự kê khai và chịu trách nhiệm về kết quả kê khai;

đ) Số lợi bất hợp pháp có được đối với trường hợp vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định này bằng (=) toàn bộ số tiền mà tổ chức, cá nhân thu được khi thực hiện hành vi trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu không có văn bản nhất trí của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

e) Số lợi bất hợp pháp có được đối với trường hợp vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 15 Nghị định này bằng (=) toàn bộ số tiền mà tổ chức, cá nhân thu được khi thực hiện hành vi vi phạm.

5. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định này như sau:

Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nộp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép. Trường hợp người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính không đồng thời là cơ quan, người có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gửi thông báo về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung đến cơ quan, người có thẩm quyền cấp giấy phép.

6. Tổ chức, cá nhân thực hiện vi phạm hành chính nhiều lần thì xử phạt vi phạm hành chính một lần về hành vi vi phạm, đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần đối với hành vi vi phạm hành chính đó.

Điều 5. Áp dụng mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính

1. Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này là mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm, mức phạt tiền bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

2. Thẩm quyền phạt tiền của những người được quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23 và 24 Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền đối với hành vi vi phạm của tổ chức, người có thẩm quyền được xử phạt gấp 02 lần mức xử phạt đối với cá nhân.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC PHẠT TIỀN VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 6. Vi phạm quy định về giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện không đúng phạm vi hoạt động dự báo, cảnh báo theo nội dung giấy phép;

b) Cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo cho đối tượng không đúng theo nội dung giấy phép;

c) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung giấy phép;

d) Hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn khi giấy phép đã hết hạn dưới 06 tháng.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi tự ý cho mượn, cho thuê giấy phép.

3. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn không có giấy phép;

b) Hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn khi giấy phép đã hết hạn từ 06 tháng trở lên.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1, khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại giấy phép bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép đó đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

c) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1, khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này;

d) Buộc hủy bỏ kết quả, sản phẩm, số liệu, bản tin, ấn phẩm có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định về hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ kết quả hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không tuân thủ quy định, quy định kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình chuyên môn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

b) Không tuân thủ quy định, quy định kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình chuyên môn đánh giá chất lượng trong dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

c) Không tuân thủ quy định, quy định kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình chuyên môn về loại bản tin và thời hạn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện việc dự báo lưu lượng đến hồ, khả năng gia tăng mực nước hồ chứa theo quy định của pháp luật về an toàn đập, hồ chứa;

b) Ban hành bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn ba lần liên tiếp trong 01 tháng đối với mỗi loại bản tin không đủ độ tin cậy theo quy định của pháp luật.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp sai lệch bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về truyền, phát bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi truyền, phát bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn mà không nêu rõ nguồn gốc bản tin.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi truyền, phát bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn không có nguồn gốc.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi truyền, phát không đầy đủ nội dung bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi truyền, phát bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn chậm so với thời gian quy định.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Không truyền, phát bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;
- b) Gian lận về nguồn gốc bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn khi truyền, phát;
- c) Truyền, phát sai lệch bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;
- d) Đưa tin sai lệch về hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và các điểm b, c và d khoản 5 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về quan trắc khí tượng thủy văn

1. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Lắp đặt phương tiện đo khí tượng thủy văn không đúng vị trí quan trắc;
- b) Quan trắc không đúng vị trí.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Quan trắc không đủ các yếu tố khí tượng thủy văn;
- b) Quan trắc không đủ tần suất;
- c) Quan trắc không đúng giờ quy định.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi lắp đặt trạm quan trắc khí tượng thủy văn không đảm bảo mật độ.

4. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định, quy định kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình chuyên môn trong hoạt động quan trắc khí tượng thủy văn.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn đối với các công trình phải thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung hoặc lắp đặt trạm quan trắc, phương tiện đo khí tượng thủy văn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc tổ chức thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về thành lập, di chuyển, giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng của tổ chức, cá nhân

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường và cơ quan quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn cấp tỉnh nơi đặt trạm sau khi thành lập trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường và cơ quan quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn cấp tỉnh nơi đặt trạm sau khi di chuyển trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng.

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường và cơ quan quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn cấp tỉnh nơi đặt trạm sau khi giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thông báo về việc thành lập, di chuyển, giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng đối với các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn không đúng thời gian quy định;

b) Cung cấp không đầy đủ thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi làm sai lệch thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn khi cung cấp.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi che dấu hoặc không cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn.

4. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi chiếm đoạt thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc báo cáo hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Đốt lửa, phun nước ảnh hưởng đến công trình thuộc trạm khí tượng;

b) Cản trở việc vận hành, khai thác công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi lấy nước, xả nước trong hành lang kỹ thuật mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của công trình thủy văn.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Lấn, chiếm khoảng không, diện tích mặt đất, dưới đất, mặt nước, dưới nước; trồng cây, xây dựng hoặc đặt, để các vật liệu, công trình, thiết bị trong phạm vi hành lang kỹ thuật của công trình khí tượng thủy văn mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của công trình khí tượng thủy văn;

b) Đắp đập, chặn dòng trong hành lang kỹ thuật mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của công trình thuộc trạm thủy văn;

c) Đào bới lòng sông, hai bên bờ sông, khai thác khoáng sản trong hành lang kỹ thuật mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của công trình thuộc trạm thủy văn;

d) Đổ rác, chất thải hoặc đặt các vật liệu xây dựng khác vào lòng sông, hai bên bờ sông trong hành lang kỹ thuật mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của công trình thuộc trạm thủy văn;

đ) Đặt các công trình, thiết bị sinh nhiệt mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của công trình thuộc trạm khí tượng.

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi di chuyển, làm sai lệch, làm ảnh hưởng, làm hư hỏng mốc chỉ giới hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi xâm hại, va đập, đập phá, di chuyển làm ảnh hưởng, làm hư hỏng công trình khí tượng thủy văn, mốc độ cao, mốc chỉ giới hành lang kỹ thuật của công trình khí tượng thủy văn.

6. Phạt tiền đối với hành vi làm hỏng phương tiện đo, thiết bị thông tin hoặc thiết bị kỹ thuật khác của công trình khí tượng thủy văn như sau:

a) Từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi làm hỏng phương tiện đo, thiết bị thông tin hoặc thiết bị kỹ thuật có giá trị dưới 10.000.000 đồng;

b) Từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi làm hỏng phương tiện đo, thiết bị thông tin hoặc thiết bị kỹ thuật có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

c) Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi làm hỏng phương tiện đo, thiết bị thông tin hoặc thiết bị kỹ thuật có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

d) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi làm hỏng phương tiện đo, thiết bị thông tin hoặc thiết bị kỹ thuật có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;

đ) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi làm hỏng phương tiện đo, thiết bị thông tin hoặc thiết bị kỹ thuật có giá trị từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng;

e) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi làm hỏng phương tiện đo, thiết bị thông tin hoặc thiết bị kỹ thuật có giá trị trên 500.000.000 đồng.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 13. Vi phạm quy định về khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không cập nhật thông tin, dữ liệu được sử dụng phục vụ thiết kế công trình, chương trình, quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội đến năm gần nhất tính đến thời điểm công trình được phê duyệt thiết kế, chương trình, quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội được phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn không đúng mục đích, trừ hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn được cung cấp miễn phí để thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi vì mục đích lợi nhuận.

4. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn không có nguồn gốc rõ ràng;

b) Sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn không được cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp xác nhận.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc báo cáo hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 14. Vi phạm quy định về trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

1. Phạt tiền đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung được ghi trong văn bản nhất trí của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi trao đổi thông tin, dữ liệu không đúng mục đích trao đổi thông tin, dữ liệu được ghi trong văn bản nhất trí;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi trao đổi thông tin, dữ liệu không đúng tên, địa chỉ của tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài được ghi trong văn bản nhất trí;

c) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng đối với hành vi trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu không đúng loại thông tin, số lượng thông tin, dữ liệu được ghi trong văn bản nhất trí;

d) Phạt tiền từ 13.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi trao đổi thông tin, dữ liệu không đúng thời hạn được ghi trong văn bản nhất trí.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ hoặc báo cáo sai sự thật về hoạt động trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài về Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu không có văn bản nhất trí của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc báo cáo hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về tác động vào thời tiết

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thông báo bằng văn bản kế hoạch tác động vào thời tiết cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn quy định trước khi thực hiện tác động vào thời tiết đối với trường hợp tác động vào thời tiết trên phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;

b) Không thông báo bằng văn bản kế hoạch tác động vào thời tiết cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn quy định trước khi thực hiện tác động vào thời tiết đối với trường hợp tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Không thông báo bằng văn bản khi điều chỉnh kế hoạch tác động vào thời tiết cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn quy định trước khi thực hiện tác động vào thời tiết đối với trường hợp tác động vào thời tiết trên phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên theo quy định;

d) Không thông báo bằng văn bản khi điều chỉnh kế hoạch tác động vào thời tiết cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn quy định trước khi thực hiện tác động vào thời tiết đối với trường hợp tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo công khai cho cộng đồng dân cư trong khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp biết trước thời điểm thực hiện tác động vào thời tiết theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, giảm thiểu tác động tiêu cực khi thực hiện tác động vào thời tiết theo kế hoạch đã thông báo cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với trường hợp tác động vào thời tiết trên phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Tác động vào thời tiết không đúng với kế hoạch đã thông báo cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với trường hợp tác động vào thời tiết trên phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tác động vào thời tiết mà không thông báo cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với trường hợp tác động vào thời tiết trên phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực

thuộc trung ương trở lên hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 16. Vi phạm quy định về sử dụng, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí tượng thủy văn

Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về sử dụng, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí tượng thủy văn được thực hiện theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Chương III

**THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH,
XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN**

Điều 17. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng theo quy định tại Nghị định này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 18. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của lực lượng Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội có quyền:

a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và e khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Thủy đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:

a) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và e khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế gồm: Trưởng phòng An ninh công thương, Trưởng phòng An ninh tiền tệ, Trưởng phòng An ninh giao thông, xây dựng, Trưởng phòng An ninh tài chính, đầu tư, Trưởng phòng An ninh nông, lâm, ngư nghiệp, Trưởng phòng An ninh khoa học, công nghệ và tài nguyên, môi trường; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo, Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu, Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn tuyên truyền, điều tra, giải quyết tai nạn giao thông, Trưởng phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện, Trưởng phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông, Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Hướng dẫn điều khiển giao thông và dẫn đoàn, Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên đường thủy nội địa, Thủy đoàn trưởng; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gồm: Trưởng phòng Công tác phòng cháy, Trưởng phòng Thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, Trưởng phòng Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý khoa học - công nghệ và kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao gồm: Trưởng phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, Trưởng phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm trật tự xã hội, Trưởng phòng An ninh thông tin mạng, Trưởng phòng Bảo vệ an ninh hệ thống mạng thông tin quốc gia, Trưởng phòng Giám sát thông tin mạng và phòng, chống hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh gồm: Trưởng phòng Quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài, Trưởng phòng Quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Giám đốc Trung tâm An ninh hàng không quốc gia; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh nội địa, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng

phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trường phòng An ninh kinh tế, Trường phòng An ninh đối ngoại, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thời hạn;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thời hạn;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

- a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thời hạn;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 19. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội Biên phòng

1. Trạm trưởng, Đội trưởng của Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng có quyền:

- a) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm e khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

a) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 15.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm e khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng, chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng, chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 20. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển

1. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng;

2. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và điểm e khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

- a) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thời hạn;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

- a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thời hạn;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 21. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh vụ hàng hải, Cảnh vụ hàng không, Cảnh vụ đường thủy nội địa

1. Trưởng đại diện Cảnh vụ hàng hải, Trưởng đại diện Cảnh vụ hàng không, Trưởng đại diện Cảnh vụ đường thủy nội địa có quyền:

- a) Phạt tiền đến 12.500.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thời hạn;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 25.000.000 đồng;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Giám đốc Cảnh vụ hàng hải, Giám đốc Cảnh vụ hàng không, Giám đốc Cảnh vụ đường thủy nội địa có quyền:

- a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 22. Thẩm quyền của Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn và Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng thành lập

1. Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 23. Thẩm quyền của Giám đốc sở và Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn thành lập

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có quyền:

a) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn thành lập có quyền:

a) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 24. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra

1. Thanh tra viên các Bộ: Quốc phòng, Công an; Thanh tra viên Thanh tra Hàng hải Việt Nam; Thanh tra viên Thanh tra Hàng không Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng.

2. Trưởng đoàn thanh tra các cơ quan: Thanh tra Hàng hải Việt Nam, Thanh tra Hàng không Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra Hàng hải Việt Nam, Chánh Thanh tra Hàng không Việt Nam có quyền:

a) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 25. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này gồm:

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này mà không thuộc lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân thì có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ.

2. Công chức, viên chức đang thi hành nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực khí tượng thủy văn hoặc thanh tra, kiểm tra liên ngành có nội dung về khí tượng thủy văn.

3. Công chức, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại Nghị định này khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ.

4. Đối với hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hoặc không thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý của mình thì người có thẩm quyền đang thi hành công vụ, nhiệm vụ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này phải lập biên bản làm việc để ghi nhận sự việc và chuyển ngay biên bản đến người có thẩm quyền.

Điều 26. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này trong phạm vi quản lý của mình và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

2. Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

3. Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 9 và Điều 12 Nghị định này và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

4. Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 9 và 12 Nghị định này và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

5. Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy nội địa có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 13 Nghị định này và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

6. Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn, Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

7. Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Công Thương thành lập, Giám đốc Sở Công Thương có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều 7 và Điều 9 Nghị định này và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

8. Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Xây dựng thành lập, Giám đốc sở Xây dựng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 13 Nghị định này và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

9. Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn thành lập có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

10. Thanh tra viên các Bộ: Quốc phòng, Công an; Thanh tra viên Thanh tra Hàng hải Việt Nam; Thanh tra viên Thanh tra Hàng không Việt Nam có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định các Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 13 Nghị định này và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

11. Trưởng đoàn thanh tra các cơ quan: Thanh tra Hàng Hải Việt Nam, Thanh tra Hàng không Việt Nam có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 13 Nghị định này và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

12. Chánh Thanh tra Hàng hải Việt Nam, Chánh Thanh tra Hàng không Việt Nam có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 13 Nghị định này và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

13. Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của mình đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 8 và Điều 16 Nghị định này và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử

Việc xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này trên môi trường điện tử được áp dụng theo quy định tại Điều 28a và Điều 28b Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ).

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2026.
2. Nghị định số 155/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn đã xảy ra và kết thúc trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét giải quyết thì áp dụng xử phạt theo quy định của Nghị định đang có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm.
2. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn đã xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa kết thúc khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì xử phạt theo quy định của Nghị định này.
3. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt để giải quyết.

Điều 30. Trách nhiệm thi hành


1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, NN (02). 12

TM. CHÍNH PHỦ
 Thủ tướng
 Phó Thủ tướng



Hồ Quốc Dũng